

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2022

Về việc: “*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH - TỈNH B
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Văn Tuyên.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Lê Bá Thành.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Phú - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Th - tỉnh B.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Th - tỉnh B tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th - tỉnh B mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 195/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1988. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Vũ Khắc T, sinh năm 1981. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng trú tại: Thôn Ng - xã Tr - huyện Th - tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng Ch.

Địa chỉ: Số 169 phố L - phường H - quận H - thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quyết Th: Ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Th - tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Lưu Thị H và lời khai của ông Nguyễn Đức T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân : Chị H và anh Vũ Khắc T quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau là hoàn toàn tự nguyện. Được sự nhất trí của hai bên gia đình chị H với anh T đã tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 06/4/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tr - huyện Th - tỉnh B. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh T ở cùng thôn Ng - xã Tr - huyện Th - tỉnh B làm dâu và làm ăn sinh sống ngay. Cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc được khoảng 11 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn, sinh hoạt hàng ngày cũng như trong cách nuôi dạy con chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên từ cuối tháng 8/2021 đến nay chị H và anh T đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, chị H xác định đã sống ly thân với anh T từ lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và anh T không thể về đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H xác định trong thời gian chung sống giữa chị H với anh T có với nhau 02 con chung là cháu Vũ Thị M, sinh ngày 13/7/2008 và cháu Vũ Thị D, sinh ngày 18/3/2011. Quá trình giải quyết vụ án, các con chung đều ở cùng với anh T, xong đến thời điểm hiện tại cháu M đang do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; còn cháu D đang do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ly hôn chị H xin được tiếp tục trực tiếp nhận nuôi con chung là cháu M, còn con chung là cháu D chị H đề nghị Tòa án giải quyết tiếp tục giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về công nợ: Chị H xác nhận quá trình chung sống chị H cùng anh T có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Th - tỉnh B số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Chị H sẽ có trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ gốc và lãi phát sinh của 1/2 khoản nợ gốc theo hợp đồng cho Ngân hàng Ch.

Bị đơn anh Vũ Khắc T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2022 cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị Lưu Thị H về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời gian vợ chồng sống ly thân là đúng. Nay, chị H làm đơn xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định trong thời gian chung sống giữa anh T với chị H có với nhau 02 con chung là cháu Vũ Thị M, sinh ngày 13/7/2008 và cháu Vũ Thị D, sinh ngày 18/3/2011. Hiện tại các con chung đều đang ở cùng với anh T được anh T nuôi dưỡng phát triển khỏe mạnh bình thường. Ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 tháng. Trường hợp Tòa án giao cho anh T nuôi dưỡng 01 con chung thì anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của các con chung, nếu các con chung có nguyện vọng được ở cùng ai thì anh T tôn trọng ý kiến của các con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về công nợ: Anh T cũng xác nhận quá trình chung sống anh T cùng chị H có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Th - tỉnh B số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Anh T sẽ có trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ gốc và lãi phát sinh của 1/2 khoản nợ gốc theo hợp đồng cho Ngân hàng Ch.

Đại diện Ngân hàng Ch trình bày:

Ngày 16/8/2021, hộ gia đình chị Lưu Thị H và anh Vũ Khắc T đã vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Th - tỉnh B (Theo chương trình cho vay Hộ cận nghèo) với số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay để: Mua lợn và xây chuồng nuôi lợn của gia đình với lãi suất vay: 7,92%/năm, thời hạn vay: 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/8/2026.

Đến ngày 16/6/2022, chị H và anh T đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Th - tỉnh B toàn bộ số tiền lãi phát sinh và chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 50.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 16/6/2022.

Tính đến ngày 17/6/2022, chị H và anh T chỉ còn nợ Ngân hàng Ch tổng số tiền 50.010.849 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 10.849 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T vẫn cương quyết ly hôn, phía Ngân hàng Ch đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H và anh T phải có nghĩa vụ trả nợ khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Vũ Khắc T mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng có trình bày do công việc bận nên xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc với Tòa án, các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm nên anh T đã không đến Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lưu Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Vũ Khắc T, xin được trực tiếp nhận nuôi con chung là cháu Vũ

Thị M và đề nghị giải quyết trả 1/2 khoản nợ gốc và lãi phát sinh của 1/2 khoản nợ gốc theo hợp đồng cho Ngân hàng Ch. Bị đơn anh Vũ Khắc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến xin được vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Ngân hàng Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc chị H và anh T phải có nghĩa vụ trả nợ khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết để chị H phải trả cho Ngân hàng Ch toàn bộ số tiền nêu trên, còn anh T phải trả cho chị H 1/2 số tiền mà chị H đã bỏ ra trả cho Ngân hàng Ch.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng của Thẩm phán cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lưu Thị H, bị đơn anh Vũ Khắc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng Ch thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Do bị đơn anh Vũ Khắc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến đề nghị xin được vắng mặt nên Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội . Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Lưu Thị H được ly hôn anh Vũ Khắc T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị M cho chị Lưu Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Vũ Thị D cho anh Vũ Khắc T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hai bên có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn không xem xét giải quyết.

Về công nợ: Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Ch. Buộc chị Lưu Thị H và anh Vũ Khắc T mỗi người phải trả cho Ngân hàng Ch số tiền 25.005.425 đồng.

Về án phí : Chị Lưu Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cùng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, anh Vũ Khắc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện

Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn anh Vũ Khắc T, nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc và có ý kiến xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại các phiên tòa xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H kết hôn với anh Vũ Khắc T vào ngày 06/4/2007. Trước khi kết hôn chị H và anh T có được tự do tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tr - huyện Th - tỉnh B. Việc kết hôn giữa chị H với anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng giữa chị H với anh T đã xảy ra mâu thuẫn sau khoảng 11 năm chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn, sinh hoạt hàng ngày cũng như trong cách nuôi dạy con chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên từ cuối tháng 8/2021 đến nay chị H và anh T đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh T, nhưng anh T không lên Tòa án để giải quyết và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Theo tài liệu do Tòa án thu thập tại địa phương nơi chị H và anh T sinh sống thể hiện: Từ năm 2018 cuộc sống vợ chồng giữa chị H với anh T đã xảy ra mâu thuẫn và chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H với anh T ngày càng trầm trọng nên từ cuối tháng 8/2021 đến nay chị H và anh T đã sống ly thân.

Xét thấy, lời khai của chị H và anh T về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được tại địa phương. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã rất trầm trọng, kéo dài không giải quyết khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nhà, không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên xem xét chấp nhận.

Về con chung: Chị Lưu Thị H và anh Vũ Khắc T đều xác định trong thời gian chung sống giữa chị H với anh T có với nhau 02 con chung là cháu Vũ Thị M, sinh ngày 13/7/2008 và cháu Vũ Thị D, sinh ngày 18/3/2011. Quá trình giải quyết vụ án, các con chung là cháu M và cháu D đang ở cùng anh T được anh T chăm

sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị H xin được trực tiếp nhận nuôi con chung là cháu M, còn con chung là cháu D chị H đề nghị Tòa án giải quyết tiếp tục giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 tháng. Trường hợp Tòa án giao cho anh T nuôi dưỡng 01 con chung thì anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của các con chung, nếu các con chung có nguyện vọng được ở cùng ai thì anh T tôn trọng ý kiến của các con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Thời điểm bắt đầu sống ly thân, hai con chung ở với anh T được anh T nuôi dưỡng khỏe mạnh và phát triển bình thường, anh T vẫn đảm bảo tốt việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, xét về độ tuổi của hai con chung thì thấy cháu M và cháu D hiện nay đều đã trên 7 tuổi. Mặc dù, các con chung đều có nguyện vọng được ở với chị H để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nhưng đến nay cháu M đang sinh sống cùng chị H được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu D đang sinh sống cùng anh T được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại chị H và anh T đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Tuy nhiên, đến nay cháu Mai đang sinh sống cùng chị H được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu D đang sinh sống cùng anh T được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung và quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự thì cần giao cháu M cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị Lưu Thị H và anh Vũ Khắc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đề cập xem xét.

Về công nợ: Đối với khoản vay của chị Lưu Thị H và anh Vũ Khắc T tại Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Th - tỉnh B với số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Đại diện Ngân hàng Ch yêu cầu buộc chị H và anh T phải có nghĩa vụ trả nợ khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết để chị H phải trả cho Ngân hàng Ch toàn bộ số tiền nêu trên, còn anh T phải trả cho chị H 1/2 số tiền mà chị H đã bỏ ra trả cho Ngân hàng Ch.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với khoản vay này chị H và anh T đều xác nhận ngày 16/8/2021, vợ chồng anh chị có vay của Ngân hàng Ch (Theo chương trình cho vay Hộ cận nghèo) với số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay để: Mua lợn và xây chuồng nuôi lợn của gia đình với lãi suất vay: 7,92%/năm, thời hạn vay: 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/8/2026.

Căn cứ lời khai của chị H và anh T cùng các tài liệu chứng cứ do Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Th cung cấp thấy rằng: Khoản vay này đến ngày

16/6/2022, chị H và anh T đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Th - tỉnh B toàn bộ số tiền lãi phát sinh và chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 50.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 16/6/2022. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T vẫn cương quyết ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi khoản nợ này theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Ch đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H và anh T phải có nghĩa vụ trả nợ khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng tính đến ngày 17/6/2022 với tổng số tiền 50.010.849 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 10.849 đồng, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết để chị H phải trả cho Ngân hàng Ch toàn bộ số tiền nêu trên, còn anh T phải trả cho chị H 1/2 số tiền mà chị H đã bỏ ra trả cho Ngân hàng Ch.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh T được thực hiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên chị H và anh T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và còn nợ tính đến ngày 17/6/2022 lãi là 50.010.849 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đó sẽ chia đôi, mỗi bên phải trả một phần, cụ thể: Chị H và anh T mỗi người phải trả cho Ngân hàng số tiền là 25.005.424 đồng. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của Ngân hàng Ch yêu cầu Tòa án giải quyết để chị H trả toàn bộ số tiền nêu trên, còn anh T có trách nhiệm trả lại cho chị H 1/2 số tiền mà chị H đã bỏ ra để trả.

Đối với khoản lãi mà anh T đã thanh toán cho Ngân hàng Ch tính đến ngày 16/6/2022. Do anh T vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu Tòa án giải quyết chị H phải trả lại 1/2 số tiền lãi đã trả cho Ngân hàng Ch nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết. Nếu sau này anh T có yêu cầu thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lưu Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cùng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Vũ Khắc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự ; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H được ly hôn anh Vũ Khắc T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị M, sinh ngày 13/7/2008 cho chị Lưu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là cháu Vũ Thị D, sinh ngày 18/3/2011 cho anh Vũ Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Lưu Thị H và anh Vũ Khắc T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về công nợ: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Ch. Buộc chị Lưu Thị H và anh Vũ Khắc T mỗi người phải trả cho Ngân hàng Ch (Tính đến ngày 17/6/2022) số tiền gốc và lãi phát sinh là 25.005.424 (*Hai mươi lăm triệu không trăm linh năm nghìn bốn trăm hai mươi bốn*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng và nợ lãi phát sinh là 5.424 (*Năm nghìn bốn trăm hai mươi bốn*) đồng.

Kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Lưu Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cùng 1.250.271 (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn hai trăm bảy mươi một*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, xác nhận chị H đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005328 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th - tỉnh B. Bị đơn anh Vũ Khắc T phải chịu 1.250.271 (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn hai trăm bảy mươi một*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Tuyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bá Thành

Nguyễn Thị Kim Dung

Bùi Văn Tuyên

